

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

### I. Thông tin chung

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN KENANGA VIỆT NAM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Business Registration Certificate No.:* 0102560723
- Số Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 72/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03 tháng 12 năm 2007
- Vốn điều lệ: 220.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 220.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 2D, Phố Đường Thành, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: 0243.7101076
- Số fax: 024.39411418
- Website: [www.vbsc.com.vn](http://www.vbsc.com.vn)
- Mã cổ phiếu (nếu có): Không có
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Vàng Việt Nam) (“**Công ty**”) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 72/UBCK-GPHĐKD ngày 03 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy phép thành lập và hoạt động được điều chỉnh lần gần nhất số 124/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 12 năm 2022.

Ngày 19/5/2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Quyết định số 326/QĐ-UBCK về việc đặt Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16 Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Ngày 14/10/2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Công văn số 6882/UBCK-QLKD ngày 14/10/2022 về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam, theo đó Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga



Việt Nam đã hoàn thành việc chào bán 8.500.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu vào ngày 29/09/2022.

Ngày 26/12/2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Quyết định số 1070/QĐ-UBCK về việc đình chỉ hoạt động công ty chứng khoán do không đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 92 Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019 và khoản 5 Điều 16 Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Ngày 26/12/2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của Công Ty số 124/GPĐC-UBCK với số vốn điều lệ được ghi nhận 220.000.000.000 đồng.

- Các sự kiện khác:

Từ ngày 29/09/2022, sau khi kết thúc đợt tăng vốn lên 220.000.000.000 đồng, Tỷ lệ vốn khả dụng tại thời điểm 30/06/2022 của Công ty cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam đã trên 180% - đã đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính quy định của Công ty chứng khoán theo quy định pháp luật hiện hành.

Ngày 24/02/2022, Công Ty đã hoàn thành việc kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 và đã gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo về việc khắc phục tình trạng đình chỉ hoạt động để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét cho Công Ty ra khỏi tình trạng đình chỉ hoạt động.

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

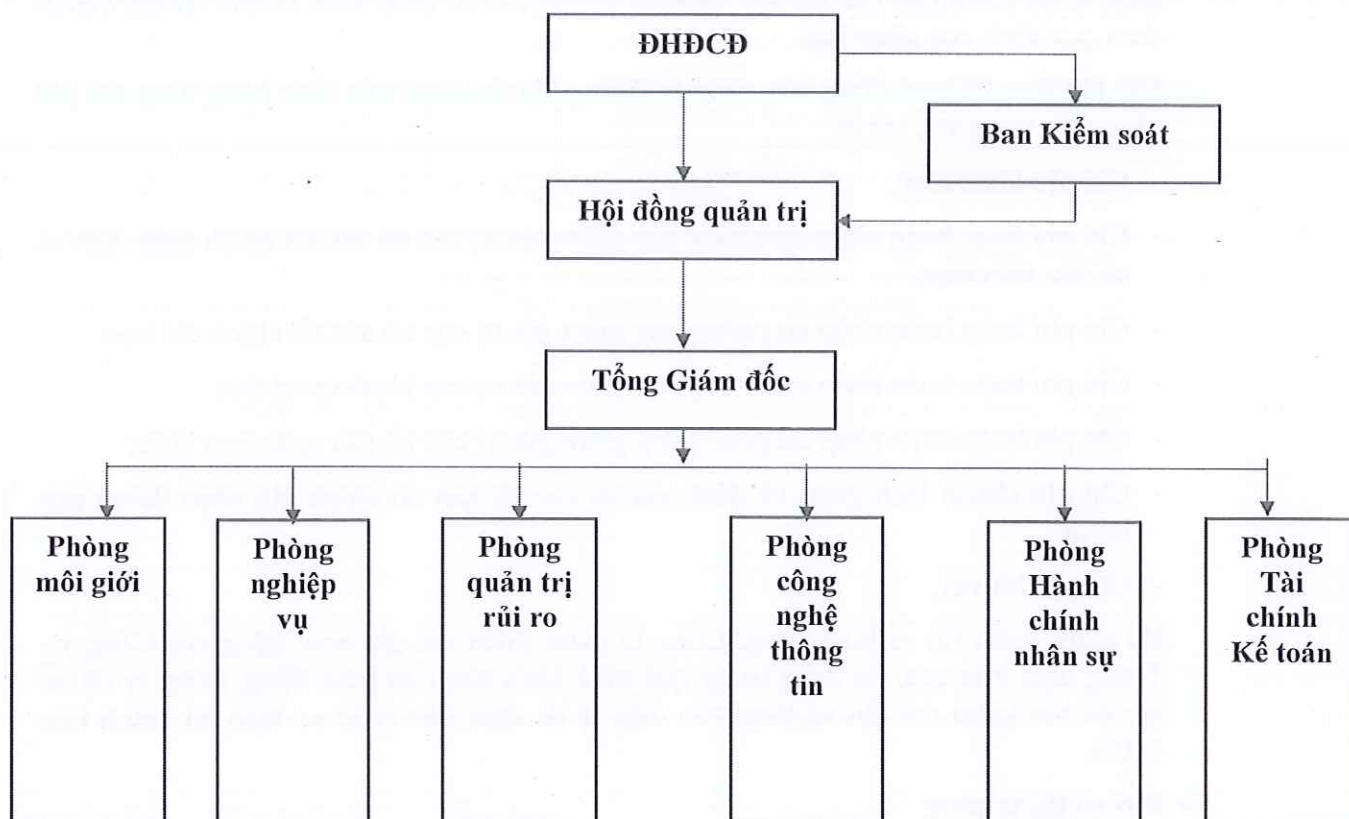
- Ngành nghề kinh doanh: Công ty đã đăng ký và được cấp phép thực hiện các nghiệp vụ chứng khoán sau:

- + Môi giới chứng khoán;
- + Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- + Dịch vụ lưu ký chứng khoán.

- Địa bàn kinh doanh: Hiện nay, Công ty đang kiện toàn bộ máy để đi vào hoạt động trở lại. Dự kiến địa bàn kinh doanh của Công ty sẽ tập trung phát triển tại địa bàn Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc
- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

#### 4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty đặt mục tiêu khôi phục lại hoạt động của công ty với những nghiệp vụ chứng khoán đã được cấp phép.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Đầu tư vào hệ thống công nghệ thông tin, tập trung vào mảng hoạt động kinh doanh môi giới, cung cấp cho khách hàng dịch vụ chất lượng nhất.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):

Xây dựng và thúc đẩy môi trường văn hoá doanh nghiệp văn minh, chuyên nghiệp, có uy tín và trách nhiệm cao góp phần phát triển cộng đồng, xã hội.

#### 5. Các rủi ro

##### ➤ Rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, do các nguyên nhân khách quan khác.

Rủi ro hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán được xác định là giá trị lớn nhất của các giá trị sau: 25% chi phí duy trì hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán, 20% vốn

điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của pháp luật.

Chi phí duy trì hoạt động của công ty chứng khoán được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi:

- Chi phí khấu hao;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn và tài sản thế chấp;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu;
- Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác;
- Chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ;
- Chi phí lãi vay.

Để giảm thiểu rủi ro hoạt động, Công ty giảm thiểu chi phí hoạt động của Công ty. Trong năm vừa qua, do đang trong quá trình khôi phục lại hoạt động, Công ty đã nỗ lực để tiết kiệm chi phí và tăng vốn điều lệ để đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính trên 180%.

➤ **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

➤ **Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

➤ **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

➤ **Rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự

phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

➤ **Rủi ro thanh toán**

Với chính sách thận trọng, nên mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ của Công ty là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn .

➤ **Rủi ro pháp lý**

Rủi ro này tính đến khía cạnh pháp lý và những văn bản pháp luật được ban hành trên Thị trường chứng khoán. Các công ty chứng khoán cần tuân thủ nghiêm ngặt để tránh đổ vỡ hệ thống. Ở một khía cạnh khác, sự phát triển của thị trường, nếu hành lang pháp lý để điều tiết được ban hành không đồng bộ và chậm sẽ gây ra khó khăn trong việc triển khai hoạt động thực tế.

**II. Tình hình hoạt động trong năm 2022**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Hiện nay công ty đang cơ cấu hoàn thiện bộ máy để hoạt động trở lại, nên trong năm 2022 Công ty chưa có phát sinh hoạt động kinh doanh.
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Tăng/Giảm
1	Doanh thu hoạt động	-	-	-
2	Chi phí hoạt động	-	-	-
3	Doanh thu hoạt động tài chính	55.014.038	2.689.771	1945,3%
4	Chi phí hoạt động tài chính	-	-	-
5	Chi phí quản lý công ty chứng khoán	6.041.174.101	6.496.572.894	-7,01%
6	Kết quả hoạt động	(5.925.750.758)	(6.493.883.123)	-
7	Lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.039.633.725)	(5.961.848.322)	-

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022*

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: Năm 2022, Công ty đang tái cơ cấu để khôi phục lại hoạt động. Công ty chưa triển khai hoạt động kinh doanh. Vì vậy, Công ty chưa đặt kế hoạch về doanh thu lợi nhuận và thực tế công ty chưa có doanh thu hoạt động.

**2. Tổ chức và nhân sự**

- Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Ông Nguyễn Đăng Khôi	07/07/1981	Đại học	13/05/2022	0	0
2	Trần Thị Dung	28/11/1978	Đại học	01/06/2022	0	0

- Những thay đổi trong ban điều hành: Ngày 13/05/2022 bổ nhiệm ông Nguyễn Đăng Khôi làm Tổng giám đốc của Công Ty
- Số lượng cán bộ, nhân viên: 10 người
- Chính sách đối với người lao động:
  - + Thời gian làm việc: Từ thứ 2 đến thứ 6 theo giờ hành chính.
  - + Thực hiện trả lương thưởng theo quy định của Công ty.
  - + Bố trí lao động: Sắp xếp, cơ cấu lại các phòng ban, xác định chức năng nhiệm vụ của các phòng ban và bố trí người lao động phù hợp với mô tả công việc của từng vị trí công việc.
  - + Công tác tuyển dụng: Ưu tiên tuyển dụng nhân sự có kinh nghiệm. Đồng thời xây dựng chương trình đào tạo để đào tạo lực lượng cán bộ nguồn, lực lượng kế cận và tăng cường đào tạo nội bộ để nâng cao trình độ người lao động Công ty.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các khoản đầu tư lớn:

Tiền gửi ngân hàng tại thời điểm 31/12/2022: Tiền gửi ngân hàng trong đó bao gồm tiền góp vốn của các cổ đông hiện hữu trên Tài khoản số 000002455357 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - CN Hà Nội với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 92.212.889.833 VND.

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

### 4. Tình hình tài chính

#### a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm/%
Tổng giá trị tài sản	19.362.038.996	98.326.614.566	407,8%
Doanh thu thuần	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh	-	-	-

doanh	532.034.801	(113.882.967)	-
Lợi nhuận khác	(5.961.848.322)	(6.039.633.725)	-
Lợi nhuận trước thuế	(5.961.848.322)	(6.039.633.725)	-
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022

b) **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	412,5	2203,1	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	412,5	2203,1	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
<u>Nợ ngắn hạn</u>			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,002	0,0004	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,002	0,0004	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	-	-	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Vòng quay tổng tài sản	-	-	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân			
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-	-	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-	-	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-	-	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-	-	

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**a) Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần đã phát hành và đang lưu hành: 22.000.000 cổ phần, tự do chuyển nhượng không có hạn chế chuyển nhượng; tổng mệnh giá của cổ phần đã phát hành và đang lưu hành: 220.000.000.000 đồng.
- Loại cổ phần đã phát hành và đang lưu hành: 22.000.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần phổ thông; tổng mệnh giá là 220.000.000.000 đồng.

**b) Cơ cấu cổ đông:**

ST T	Họ và tên cổ đông	Số CMND/CCCD/ĐK KD	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ số cổ phần sở hữu
1	Công ty TNHH Hưng An Điền Đại diện bởi: Bà Nguyễn Ngọc Hằng	0315119954	10.780.000	49,00%
2	Phạm Lê Tú Uyên	079194023219	4.400.000	20,00%
3	Phan Thanh Trà	079192009888	3.721.146	16,91%
4	Đặng Hồng Thi	079186016666	3.098.854	14,09%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>22.000.000</b>	<b>100%</b>

**c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

- Ngày 03/12/2007 vốn điều lệ của Công Ty là 40.000.000.000 đồng theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 72/UBCK-GPHĐKD của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Ngày 11/09/2009, vốn điều lệ của Công Ty lên 135.000.000.000 đồng theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số 260/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Ngày 26/12/2022, vốn điều lệ của Công Ty lên 220.000.000.000 đồng, phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ. Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động của Công Ty số 124/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có**

**e) Các chứng khoán khác: Không có**

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Năm 2022, Công ty đang tái cơ cấu để khôi phục lại hoạt động. Công ty chưa triển khai hoạt động kinh doanh. Vì vậy, Công ty chưa đặt kế hoạch về doanh thu lợi nhuận và thực tế năm 2022 công ty chưa có doanh thu hoạt động.



- Những tiền bộ công ty đã đạt được: Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện thành công đợt tăng vốn điều lệ từ 135.000.000.000 VND lên 220.000.000.000 VND.
- Với việc tăng vốn điều lệ lên 220.000.000.000 VND, Công ty đã khắc phục được tình trạng vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn điều lệ tối thiểu và tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty đã tăng lên trên 180%.
- Hiện nay, Công ty đang báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc khắc phục tình trạng đình chỉ hoạt động.
- Công ty tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức để thoát khỏi tình trạng đình chỉ để khôi phục hoạt động trở lại trong năm 2023.

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

#### TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Error! Not a valid link.

- Theo Nghị quyết định số 40/BBH-HĐQT ngày 31/12/2022 của Hội đồng quản trị, Công ty xóa bỏ các tài sản không có hồ sơ mua bán và không còn hiện hữu tại thời điểm kiểm kê.
- Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 9.723.467.168 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 5.791.977.168 VND).

#### TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Error! Not a valid link.

- Theo Nghị quyết định số 40/BBH-HĐQT ngày 31/12/2022 của Hội đồng quản trị, Công ty xóa bỏ các tài sản không có hồ sơ mua bán và không còn hiện hữu tại thời điểm kiểm kê.
- Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 0 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 7.864.301.890 VND).

### b) Tình hình nợ phải trả

#### TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	103.835.690	97.546.970
Cộng	<u>103.835.690</u>	<u>97.546.970</u>

#### PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	103.835.690	97.546.970
<b>Cộng</b>	<b><u>103.835.690</u></b>	<b><u>97.546.970</u></b>

### 3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Công ty tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức để thoát khỏi tình trạng đình chỉ để khôi phục hoạt động trở lại trong năm 2023.
- Chiến lược phát triển:  
Hội đồng quản trị sẽ chỉ đạo Ban điều hành xây dựng bộ máy nhân sự nhiều kinh nghiệm, khắc phục các vấn đề tồn đọng trong công tác quản trị rủi ro, giám sát hoạt động của Công ty đảm bảo tuân thủ quy trình, quy định, giảm thiểu rủi ro.
- Công tác nhân sự:  
Xây dựng, hoàn thiện chính sách đối với người lao động, tuyển dụng các nhân sự giàu kinh nghiệm cho các vị trí chủ chốt.
- Phát triển nghiệp vụ mới:  
Ngoài những nghiệp vụ đã được cấp phép như môi giới, tư vấn đầu tư và lưu ký chứng khoán, Công ty sẽ phát triển các nghiệp vụ mới như tự doanh, đầu tư chứng khoán.
- Quản trị rủi ro và kiểm soát chất lượng  
Xây dựng cơ chế, đẩy mạnh công tác kiểm tra kiểm soát của Ban kiểm soát, Bộ phận kiểm soát nội bộ nhằm hạn chế các rủi ro có thể xảy ra;  
Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát sát sao, điều hành và kiểm soát chặt chẽ tình hình thực hiện các nhiệm vụ về hoạt động của Công ty.

## IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2022, Công ty chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ 135 tỷ đồng lên 220 tỷ đồng.

Với việc tăng vốn điều lệ lên 220.000.000.000 VND, Công ty đã khắc phục được tình trạng vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn điều lệ tối thiểu và tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty đã tăng lên trên 180%.

Hiện nay, Công ty đang báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc khắc phục tình trạng đình chỉ hoạt động.

Công ty tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức để thoát khỏi tình trạng đình chỉ để khôi phục hoạt động trở lại trong năm 2023.

### 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Ban Giám đốc đã hoàn thành nhiệm vụ về công tác công bố thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Công tác kế toán đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Công ty tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức để thoát khỏi tình trạng đình chỉ để khôi phục hoạt động trở lại trong năm 2023.

Hội đồng quản trị sẽ chỉ đạo Ban điều hành xây dựng bộ máy nhân sự nhiều kinh nghiệm, khắc phục các vấn đề tồn đọng trong công tác quản trị rủi ro, giám sát hoạt động của Công ty đảm bảo tuân thủ quy trình, quy định, giảm thiểu rủi ro.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

S tt	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành))	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệ m			
1.	Bà Phan Thanh Trà	Chủ tịch	13/05/20 22		3.721.1 46	16,91 %	
2.	Bà Nguyễn Ngọc Hằng	Thành viên	13/05/20 22		0	0	Chủ tịch Công ty TNHH Hưng An Điền
3.	Bà Đặng Hồng Thi	Thành viên	13/05/20 22		3.098.8 54	14,09 %	-Người đại diện theo pháp luật, Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty TNHH BDS Hoa Phát -Chủ tịch công ty của Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Việt

							Nam Thương Tín (Vietbank) -Giám đốc của Trung tâm Quản Lý Nợ - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)
4.	Bà Phạm Lê Tú Uyên	Thành viên	13/05/2022		4.400.000	20,00 %	-Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Dược Phẩm Hoa Lâm; -Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH AS Việt Nam; -Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng 3B; -Giám đốc Công ty CP Quảng Cáo Goclick; -Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Nhà Long Phước; -Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Bất Động Sản First Home.
5.	Ông Phạm Quốc Huân	Thành viên	13/05/2022		0	0	Giám đốc Công ty TNHH Hưng An Điền
6.	Bà Hoàng Thị Hồng Thảo	Thành viên	13/05/2022	19/12/2022	0	0	
7.	Ông Đặng Đình Thắng	Thành viên	13/05/2022	19/12/2022	0	0	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng Dragon Land

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1.	Bà Phan Thanh Trà	18	100%	
2.	Bà Nguyễn Ngọc Hằng	18	100%	
3.	Bà Đặng Hồng Thi	18	100%	
4.	Bà Phạm Lê Tú Uyên	18	100%	
5.	Ông Phạm Quốc Huân	18	100%	
6.	Bà Hoàng Thị Hồng Thảo	17	100%	Miễn nhiệm từ 19/12/2023
7.	Ông Đặng Đình Thắng	17	100%	Miễn nhiệm từ 19/12/2023

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1.	03/QĐ-HĐQT	13/05/2022	Thông qua việc miễn nhiệm ông Cao Văn Sơn khỏi chức chủ tịch Hội đồng quản trị và bổ nhiệm và Phan Thanh Trà làm chủ tịch Hội đồng quản trị	100%
2.	03B/NQ-HĐQT	25/05/2022	Thông qua việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	100%
3.	03D/NQ-HĐQT	31/05/2022	Thông qua việc xóa bỏ công nợ	100%
4.	03F/NQ-HĐQT	31/05/2022	Thông qua việc ký kết hợp đồng lao động của công ty với Bà Phan Thanh Trà	100%
5.	07/NQ-HĐQT	20/06/2022	Thông qua việc tổ chức họp đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	100%

6.	11/NQ-HĐQT	28/6/2022	Thông qua việc tổ chức họp đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	100%
7.	11B/NQ-HĐQT	29/06/2022	Thông qua việc xóa bỏ công nợ	100%
8.	13/NQ-HĐQT	21/07/2022	Thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ (số cổ phiếu chào bán là 2.700.000 cp, tổng số cổ phiếu sau chào bán là 16.200.000 cp)	100%
9.	15/NQ-HĐQT	21/07/2022	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (số cổ phiếu chào bán là 2.700.000 cp, tổng số cổ phiếu sau chào bán là 16.200.000 cp)	100%
10.	19/NQ-HĐQT	04/08/2022	Thông qua việc lựa chọn VACO là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của công ty	100%
11.	21/NQ-HĐQT	12/08/2022	Thông qua việc tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2022	100%
12.	25/NQ-HĐQT	19/08/2022	Thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ (số cổ phiếu chào bán là 8.500.000 cp, tổng số cổ phiếu sau chào bán là 22.000.000 cp)	100%
13.	27/NQ-HĐQT	19/08/2022	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (số cổ phiếu chào bán là 8.500.000 cp, tổng số cổ phiếu sau chào bán là 22.000.000 cp)	100%
14.	29/NQ-HĐQT	16/09/2022	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông hiện hữu thực hiện	100%

			quyền mua cổ phiếu phát hành thêm và thời gian thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu	
15.	31/NQ-HĐQT	28/09/2022	Thông qua kết thúc thời gian thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu và phương án xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh	100%
16.	33/NQ-HĐQT	29/09/2022	Thông qua kết quả đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ 135 tỷ đồng lên 220 tỷ đồng	100%
17.	35/NQ-HĐQT	14/10/2022	Thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều lệ công ty (vốn điều lệ từ 135 tỷ đồng lên 220 tỷ đồng)	100%
18.	37/NQ-HĐQT	15/10/2022	Thông qua việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	100%
19.	41/NQ-ĐHĐCĐ	31/12/2022	Thông qua việc trích lập quỹ dự phòng, bù trừ bút toán và giảm nguyên giá tài sản cố định và giá trị hao mòn lũy kế	100%

## 2. Ban Kiểm soát

### a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

St t	Thành viên BKS/Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/Ủy ban Kiểm toán	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Bà Trần Thị Thanh Nhã	Trưởng ban	13/05/2022	0	0
2	Bà Hoàng Thị Thu Hằng	Thành viên	13/05/2022	0	0
3	Bà Trần Thị Bích	Thành	13/05/2022	0	0

Liễu	viên			
------	------	--	--	--

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Trần Thị Thanh Nhã	2/2	100%	3/3	
2	Bà Hoàng Thị Thu Hằng	2/2	100%	3/3	
3	Bà Trần Thị Bích Liễu	2/2	100%	3/3	

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán: Không có thù lao

Tổng Giám đốc: 15.000.000 đồng/tháng tính từ ngày 01/06/2022 đến 31/12/2022

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Stt	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1.	Công ty TNHH Hưng An Điền	6.615.000	49,00 %	10.780.000	49,00 %	Mua cổ phiếu phát hành thêm của Công ty
2.	Phạm Lê Tú Uyên	2.700.000	20,00 %	4.400.000	20,00 %	Mua cổ phiếu phát hành thêm của Công ty
3.	Phan Thanh Trà	2.283.431	16,91 %	3.721.146	16,91 %	Mua cổ phiếu phát hành thêm của Công ty
4.	Đặng Hồng Thi	1.901.569	14,09 %	3.098.854	14,09 %	Mua cổ phiếu phát hành thêm





- Các ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc ghi nhận, chỉnh sửa, hoàn thiện, bổ sung kịp thời đảm bảo tuân thủ quy định.

## **VI. Báo cáo tài chính**

### **1. Ý kiến kiểm toán**

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)</b>	<b>100</b>		<b>92.688.810.585</b>	<b>16.236.846.857</b>
<b>I. Tài sản tài chính</b>	<b>110</b>		<b>92.583.960.585</b>	<b>15.901.694.357</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	92.543.322.755	10.541.091.121
1.1. Tiền	111.1		92.543.322.755	10.541.091.121
2. Trả trước cho người bán	118	6	4.380.000.000	5.350.000.000
3. Các khoản phải thu khác	122	7	38.895.637.830	38.895.603.236
4. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	8	(43.235.000.000)	(38.885.000.000)
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>104.850.000</b>	<b>335.152.500</b>
1. Tạm ứng	131		61.850.000	78.085.000
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133		-	257.067.500
3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		43.000.000	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250)</b>	<b>200</b>		<b>2.337.803.981</b>	<b>3.120.032.139</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.798.863.489</b>	<b>2.437.650.239</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.798.863.489	2.437.650.239
- Nguyên giá	222		6.595.224.000	7.816.116.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223.a		(4.796.360.511)	(5.378.465.761)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229.a		-	-
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>538.940.492</b>	<b>682.381.900</b>
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		14.247.287	218.098.000
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	11	524.693.205	464.283.900
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>95.026.614.566</b>	<b>19.356.878.996</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>43.569.128</b>	<b>39.359.833</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>43.569.128</b>	<b>39.359.833</b>
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	12	38.004.833	39.359.833
2. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		5.564.295	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>94.983.045.438</b>	<b>19.317.519.163</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	13	<b>94.983.045.438</b>	<b>19.317.519.163</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		220.000.000.000	135.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		220.000.000.000	135.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		220.000.000.000	135.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		(125.016.954.562)	(115.682.480.837)
2.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		(125.016.954.562)	(115.682.480.837)
<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>95.026.614.566</b>	<b>19.356.878.996</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2022

Đơn vị:

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
1. Nợ khó đòi đã xử lý	004	14	10.547.688.624	10.547.688.624
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
1. Tiền gửi của khách hàng	026	15	103.835.690	97.546.970
1.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		103.835.690	97.546.970
2. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	16	103.835.690	97.546.970
2.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		103.835.690	97.546.970

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Năm nay	Năm trước	
			(Trình bày lại)	
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>		-	-	-
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>		-	-	-
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	55.014.038	2.689.771	
3.2 Doanh thu khác về đầu tư	44	60.409.305	-	
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 42 => 44)	50	115.423.343	2.689.771	
<b>IV. CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>	61	-	-	
<b>V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHÚNG KHOẢN</b>	62	9.336.014.101	6.496.572.894	
<b>VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>	70	(9.220.590.758)	(6.493.883.123)	
(70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 61 - 62)				
<b>VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
7.1 Thu nhập khác	71	141.000	1.136.280.344	
7.2 Chi phí khác	72	114.023.967	609.405.543	
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80	(113.882.967)	526.874.801	
<b>VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>	90	(9.334.473.725)	(5.967.008.322)	
(90 = 70 + 80)				
8.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91	(9.334.473.725)	(5.967.008.322)	
<b>IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	100	-	-	
<b>X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>	200	(9.334.473.725)	(5.967.008.322)	
(200 = 90 - 100)				
10.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	(594)	(442)	



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ NĂM 2022**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01	(9.334.473.725)	(5.967.008.322)
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02	4.868.471.407	1.561.297.163
- Khấu hao TSCĐ	03	633.394.750	1.399.812.477
- Các khoản dự phòng	04	4.350.000.000	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07	(114.923.343)	161.484.686
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	1.408.327.914	(3.686.520.003)
- Tăng/giảm phải thu khác	39	969.965.406	440.071.086
- Tăng/giảm các tài sản khác	40	(26.765.000)	(29.106.559)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	42	257.067.500	(2.969.541.397)
- Tăng/giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	(1.355.000)	1.060.000
- Tăng/giảm phải trả, phải nộp khác	50	5.564.295	(1.129.003.133)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52	203.850.713	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	60	<i>(3.057.674.404)</i>	<i>(8.092.231.162)</i>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các TS khác	61	(105.108.000)	(3.092.973.200)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các TS khác	62	110.000.000	972.727.272
3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65	55.014.038	2.689.771
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	70	<i>59.906.038</i>	<i>(2.117.556.157)</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71	85.000.000.000	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	80	<i>85.000.000.000</i>	<i>-</i>
<b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>	90	<b>82.002.231.634</b>	<b>(10.209.787.319)</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	101	<b>10.541.091.121</b>	<b>20.750.878.440</b>
- Tiền	101.1	10.541.091.121	20.750.878.440
<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	103	<b>92.543.322.755</b>	<b>10.541.091.121</b>
- Tiền	103.1	92.543.322.755	10.541.091.121

## LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
1. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	6.288.720	2.447.925
<i>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</i>	<i>20</i>	<i>6.288.720</i>	<i>2.447.925</i>
<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>	<b>30</b>	<b>97.546.970</b>	<b>92.423.298</b>
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	97.546.970	92.423.298
<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)</b>	<b>40</b>	<b>103.835.690</b>	<b>94.871.223</b>
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	103.835.690	94.871.223



## BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2021	01/01/2022 (Trình bày lại)	Năm trước		Năm nay		31/12/2021	31/12/2022
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13	135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	85.000.000.000	-	135.000.000.000	220.000.000.000
2. LNST chưa phân phối	13	(109.715.472.515)	(115.682.480.837)	(5.967.008.322)	-	(9.334.473.725)	-	(115.682.480.837)	(125.016.954.562)
<b>Tổng vốn chủ sở hữu</b>	<b>13</b>	<b>25.284.527.485</b>	<b>19.317.519.163</b>	<b>(5.967.008.322)</b>	<b>-</b>	<b>75.665.526.275</b>	<b>-</b>	<b>19.317.519.163</b>	<b>94.983.045.438</b>

Chi tiết tăng, giảm trong năm của các chỉ tiêu vốn chủ sở hữu xem tại Thuyết minh số 13.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Vàng Việt Nam) (“Công ty”) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 72/UBCK-GPHĐKD ngày 03 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy phép thành lập và hoạt động được điều chỉnh lần gần nhất số 124/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 12 năm 2022. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 220.000.000.000 VND.

Trụ sở Công ty đặt tại số 2D, phố Đường Thành, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 10 người.

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Dịch vụ lưu ký chứng khoán.

Công ty đã bị chấm dứt tư cách thành viên giao dịch tại 02 Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội từ tháng 8 năm 2015.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quyết định số 1070/QĐ-UBCK về việc đình chỉ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán của Công ty. Thời hạn đình chỉ từ ngày 26 tháng 12 năm 2022 đến ngày 25 tháng 6 năm 2023.

#### **Hạn chế cho vay**

Công ty chứng khoán không được cho vay tiền và chứng khoán dưới mọi hình thức, trừ trường hợp công ty chứng khoán cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán của Bộ Tài chính.

Công ty chứng khoán không được cho vay dưới bất kỳ hình thức nào đối với các cổ đông lớn, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng nêu trên.

#### **Hạn chế đầu tư**

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28 của Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính về “Quy định về hoạt động của Công ty

Chứng khoán” và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán;
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán;
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp trực tiếp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% trên tổng số vốn góp của một công ty TNHH hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp, dự án kinh doanh;
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.

### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

## Hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có những dấu hiệu ảnh hưởng đến hoạt động liên tục như sau:

- (i) Từ tháng 8 năm 2015, Công ty đã bị chấm dứt tư cách thành viên giao dịch tại 02 Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội từ tháng 8 năm 2015, cho đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép lại.
- (ii) Theo Quyết định số 1070/QĐ-UBCK ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty bị đình chỉ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán của Công ty từ ngày 26 tháng 12 năm 2022 đến ngày 25 tháng 6 năm 2023, cho đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa được cấp phép lại.
- (iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số lỗ lũy kế là 121.691.954.562 VND, đồng thời, trong năm, không có phát sinh doanh thu, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh chính.

Tuy nhiên, Công ty đã và đang thực hiện sắp xếp các nhân sự chủ chốt, cơ cấu lại các khoản nợ và tăng vốn bổ sung từ các cổ đông để cải thiện tình hình tài chính.

Đến ngày 29 tháng 9 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn và được UBCK thông báo về việc đã nhận được báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga Việt Nam theo Công văn số 6882/UBCK-QLKD ngày 14 tháng 10 năm 2022.

Công ty đã tăng vốn để đảm bảo các hoạt động trong tương lai. Do đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty tin tưởng rằng việc áp dụng giả định hoạt động liên tục cho việc lập báo cáo tài chính của Công ty là phù hợp.

## Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

## Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty gồm:

- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty.
- Công ty TNHH Hưng An Điền: Cổ đông lớn.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty

chứng khoán. Thông tư 210 có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư 210 thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 210 đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC (“Thông tư 334”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 334 đã hướng dẫn hệ thống tài khoản kế toán, mẫu và giải thích báo cáo tài chính, giải thích nội dung, kết cấu của tài khoản kế toán. Thông tư 334, có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty thực hiện kế toán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư 210 và Thông tư 334.

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

##### **Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán**

---

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

#### **Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán**

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

#### **Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

---

## **Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp**

Kết thúc năm tài chính, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp đảm bảo đối với khoản cho vay của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Tài sản tài chính nhận thế chấp được đánh giá bằng 70% giá trị thị trường/ giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất đến ngày đánh giá lại.

Đối với tài sản thế chấp là các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

## **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

## **Các khoản phải thu và dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu**

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong năm đều được theo dõi tại chỉ tiêu “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

## **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian hữu dụng</u> <u>ước tính</u> (Năm)
Máy móc, thiết bị	02 - 04
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	03

### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 - 05 năm.

### **Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **Doanh thu**

- ***Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:***

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

- ***Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:***

Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra và khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu, tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi cố định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL và chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL.

- ***Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):***

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính HTM mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).

- ***Doanh thu nghiệp vụ tư vấn chứng khoán:***

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

- ***Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:***



---

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký chứng khoán ở Trung tâm Lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng.

- **Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:**

Là khoản phí chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ hoạt động giao dịch ký quỹ và hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ hoàn thành.

- **Thu nhập hoạt động khác:**

Doanh thu khác bao gồm doanh thu, từ các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán và doanh thu khác. Các khoản này được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá và lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### **Chi phí quản lý công ty chứng khoán**

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế, phí, lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo thu nhập toàn diện. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

---

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Báo cáo tình hình tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ hoạt động tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### **Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	109.605.717	117.336.750
Tiền gửi ngân hàng (i)	92.433.717.038	10.423.754.371
<b>Cộng</b>	<b><u>92.543.322.755</u></b>	<b><u>10.541.091.121</u></b>

### Ghi chú:

- (i) Tiền gửi ngân hàng trong đó bao gồm tiền góp vốn của các cổ đông hiện hữu trên Tài khoản số 000002455357 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - CN Hà Nội với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 92.212.889.833 VND.

## 6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Luật sư Đỗ Cao Thắng (i)	2.800.000.000	2.800.000.000
Công ty Luật TNHH Bảo Ngọc (ii)	500.000.000	500.000.000
Luật sư Nguyễn Tố Loan (iii)	500.000.000	500.000.000
Văn phòng Luật sư Nguyễn Thế Quyền (iv)	400.000.000	400.000.000
Công ty Luật Tuấn Minh (v)	150.000.000	150.000.000
Các đối tượng khác	30.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.380.000.000</b>	<b>5.350.000.000</b>

### Ghi chú:

- (i) Hợp đồng tư vấn pháp lý với Luật sư Đỗ Cao Thắng số 01/KDTM/2021/HĐDVPL-ĐCT ngày 02 tháng 4 năm 2021, theo đó, Ông Đỗ Cao Thắng đứng ra bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Công ty trong vụ án Kinh doanh thương mại với Tổng Công ty Bất động sản Đông Á tại mọi cấp Tòa án và các cơ quan chấp pháp.
- (ii) Hợp đồng dịch vụ pháp lý với Công ty Luật TNHH Bảo Ngọc số 1908/2016/HĐDVPL-BN ngày 19 tháng 8 năm 2016, theo đó, Công ty Luật TNHH Bảo Ngọc thực hiện dịch vụ pháp lý cho Công ty về các biện pháp nhằm giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong việc xử lý các hậu quả do nguyên Q.TGD Nguyễn Việt Hải gây ra trong việc ký các hợp đồng hợp tác đầu tư, thuê mướn, mua sắm,.... Tiền thù lao cố định cho toàn bộ dịch vụ là 1.500.000.000 VND (không bao gồm 10% thuế GTGT. KVS chịu trách nhiệm trả thuế GTGT thay cho Công ty Bảo Ngọc. Số tiền này không tính vào khoản thù lao). Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã tạm ứng lần 1 cho Bảo Ngọc.
- (iii) Hợp đồng với Luật sư Nguyễn Thị Tố Loan số 05/2019/HĐPL-VPLS ngày 31 tháng 12 năm 2019; Phụ lục HDDVPL số 01/2021/HĐPL-VPLS ngày 25 tháng 10 năm 2021, theo đó, Bà Nguyễn Tố Loan thay mặt Công ty tiếp tục gửi đơn tố giác Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng làm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của Công ty số tiền 1,692 tỷ VND, các công việc bao gồm: Tư vấn và soạn thảo đơn từ, văn bản; Thu thập hồ sơ, tài liệu và chuẩn bị các căn cứ pháp lý gửi đến các cơ quan, Tòa án; Thay mặt Công ty tham gia các buổi làm việc với cơ quan chức năng;....
- (iv) Hợp đồng Dịch vụ pháp lý với Văn phòng Luật sư Nguyễn Thế Quyền số 06/2016/HĐ ngày 07 tháng 9 năm 2016, theo đó, Luật sư Nguyễn Thế Quyền cử luật sư tham gia tố tụng ở giai đoạn tố cáo đến khi có Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố các bị can về việc vi phạm pháp luật về hình sự để chiếm đoạt tài sản của Công ty. Phí văn phòng và phí hoạt động dịch vụ: 400.000.000 VND. Thời hạn thanh toán: Công ty thanh toán cho văn phòng luật sư toàn bộ số tiền phí trong vòng 5 ngày sau khi ký hợp đồng; Số tiền phí hợp đồng dịch vụ sẽ được chuyển 7 ngày sau khi ký hợp đồng.

- 
- (v) Hợp đồng Dịch vụ pháp lý với Công ty Luật Tuấn Minh số 1211/2020/HĐTT/LTM-KVS ngày 12 tháng 11 năm 2020, theo đó, Công ty Luật Tuấn Minh tư vấn pháp lý và tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty trong quá trình thụ án và giải quyết sơ thẩm vụ án tranh chấp Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư giữa Công ty với Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ y tế Phúc Thái.

## 7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
Tổng Công ty Bất động sản Đông Á (i)	22.000.000.000	22.000.000.000
Công ty CP Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Y tế Phúc Thái (ii)	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden TNC (iii)	9.500.000.000	9.500.000.000
Khương Tuấn Sơn (iv)	385.000.000	385.000.000
Đối tượng khác	10.637.830	10.603.236
<b>Cộng</b>	<b>38.895.637.830</b>	<b>38.895.603.236</b>

### Ghi chú:

#### (i) Tổng Công ty Bất động sản Đông Á:

Theo Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư số 01/HDTUVDVT/KVS-ĐA/2011 ngày 20 tháng 12 năm 2011 với Tổng Công ty Bất động sản Đông Á và các phụ lục số 01 và 02, về việc hợp tác đầu tư hoàn thiện và đưa vào sử dụng “Dự án Khu Resort - Khu cầu Bình Hòa - Quảng Châu - Quảng Xương - Thanh Hóa”, giá trị 25.000.000.000 VND, thời hạn đầu tư là 10 tháng được gia hạn đến ngày 25 tháng 9 năm 2014 và lợi nhuận thỏa thuận là 2%/tháng, giảm xuống còn 1,2%/tháng kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2012. Tài sản đảm bảo cho Hợp đồng vay này bao gồm: Nhà số 31 Hàng Than; Khu Resort “Khu cầu Bình Hòa - Quảng Châu - Quảng Xương - Thanh Hóa” và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất thửa số 1343, thôn Châu An, xã Quảng Châu, huyện Quảng Xương, Thanh Hóa;

Theo biên bản làm việc ngày 13 tháng 02 năm 2014, hai bên đã thống nhất lộ trình thanh toán các khoản nợ, nhưng đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa nhận được khoản tiền nào từ Tổng Công ty Bất động sản Đông Á theo như Biên bản đã ký. Công ty đã ngừng dự thu lợi nhuận của Công ty Bất động sản Đông Á từ ngày 28 tháng 02 năm 2013 và trích lập dự phòng phải thu khó đòi ở mức 100% theo quy định.

Công ty nộp đơn khởi kiện lên Tòa án Nhân dân tỉnh Thanh Hóa và đã có Bản án sơ thẩm số 12/2016/KDTM-ST ngày 25 tháng 7 năm 2016 của Tòa án Nhân dân Thành phố Thanh Hóa và Bản án phúc thẩm số 16/2016/KDTM-PT ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Tòa án Nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

Ngày 28 tháng 10 năm 2016, Công ty đã có đề nghị giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm nêu trên và nhận được Quyết định giám đốc thẩm số 01/2019/KDTM-HĐT ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020, Tòa án Nhân dân tối cao đã ra Quyết định giám đốc thẩm số 09/2020/KDTM-GĐT ngày 08 tháng 7 năm 2020.

Tòa án nhân dân tối cao quyết định:

- Chấp thuận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 04/2020 của Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao.
- Hủy Quyết định giám đốc thẩm số 01/2019.
- Giao hồ sơ cho Tòa án Nhân dân Thành phố Thanh Hóa xét xử lại thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật. Đến thời điểm hiện tại, vụ việc vẫn đang trong quá trình giải quyết.

(ii) Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Y tế Phúc Thái:

Theo Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư số 14/HĐTUVĐT/KVS/TN/2012 ngày 27 tháng 8 năm 2012 với Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ y tế Phúc Thái và các phụ lục: số 01/PLHDTYVĐT/KVS-PT/2013 ngày 27 tháng 02 năm 2013; số 02/PLHDTYVĐT/KVS-PT/2013 ngày 03 tháng 10 năm 2013 về việc hợp tác đầu tư hoàn thiện “Dự án xây dựng Bệnh viện Phúc Thái tại Thái Nguyên”: Thời hạn đầu tư 6 tháng, gia hạn đến ngày 27 tháng 9 năm 2013 và tiếp tục được gia hạn tới ngày 27 tháng 11 năm 2013; lợi nhuận: 1,5%/tháng và giảm xuống 1,2%/tháng từ ngày 27 tháng 02 năm 2013. Số tiền góp của Công ty là 7 tỷ VND. Tài sản đảm bảo bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, thửa số 359, phường Cái Đan, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2014, thời hạn thu hồi hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư đã quá hạn hơn 7 tháng so với thời hạn đã gia hạn. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi ở mức 100% theo quy định và ngừng thu lãi của hợp đồng từ ngày 01 tháng 4 năm 2013;

Ngày 20 tháng 8 năm 2018, Công ty đã có đơn khởi kiện Công ty CP Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Y tế Phúc Thái ra Tòa án Nhân dân Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội. Do chủ doanh nghiệp đã bỏ trốn và Công ty CP Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Y tế Phúc Thái không còn hoạt động trên địa bàn đăng ký kinh doanh. Ngày 29 tháng 6 năm 2018, Công ty đã có văn bản gửi Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội đề nghị xử lý hình sự đối tượng lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Công ty đã gửi đơn khởi kiện lên công an đề nghị khởi tố hình sự đối tượng lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hiện tại, vụ án đang được điều tra và chưa có kết luận của cơ quan điều tra. Chủ doanh nghiệp đã bỏ trốn và Công ty không còn hoạt động tại địa bàn đăng ký kinh doanh. Đến thời điểm hiện tại, vụ việc vẫn đang trong quá trình giải quyết.

(iii) Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden TNC (Tên hiện tại: Công ty Cổ phần Bất động sản Fraden - TNC):

Theo Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư số 01/PLHĐTUVĐT/KVS-TNC/2012 ngày 26 tháng 7 năm 2012 với Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden TNC và Phụ lục số 01/PLHDTYVĐT/KVS-TNC/2012 ngày 30 tháng 9 năm

2012 để nghiên cứu cơ hội đưa ra phương án tốt nhất và Bên A (Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden) thực hiện dự án: Thời hạn đầu tư 2 tháng, được gia hạn thời hạn thanh toán đến ngày 30 tháng 01 năm 2013. Lợi nhuận: 1,5%/tháng. Số tiền góp của Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden TNC là 9,5 tỷ VND. Tài sản đảm bảo là Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại 99 Mai Hắc Đế, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội của ông Nguyễn Tiến Hùng và bà vợ Lê Kim Dung.

Theo Bản án số 29/2019/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2019, Tòa án Nhân dân Quận Hai Bà Trưng xử: Buộc Công ty Cổ phần Bất động sản Fraden - TNC phải trả cho Công ty số tiền 9,5 tỷ VND. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc phát mại tài sản đảm bảo. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền chậm thanh toán theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định.

Ngày 03 tháng 12 năm 2019, Chi cục Thi hành án dân sự Quận Ba Đình số 08/QĐ-CCTHADS ban hành Quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án đối với Công ty Cổ phần Bất động sản Fraden - TNC về việc phải trả cho Công ty số tiền 9,5 tỷ VND.

(iv) Khương Tuấn Sơn

Theo Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư số 02/HĐTƯVĐT/KVS/2012 ngày 25 tháng 6 năm 2012 với ông Khương Tuấn Sơn với mục đích hoàn thiện nhà; Thời gian 6 tháng; lợi nhuận 1,8%/tháng. Tài sản đảm bảo là Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở thửa số 54B, Tổ dân phố Yên Phúc, Phường Yên Giang, Quận Hà Đông, Hà Nội. Các phụ lục: Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐTƯVĐT/2012 gia hạn thời hạn thanh toán đến ngày 25 tháng 3 năm 2013; Phụ lục số 02/PLHĐTƯVĐT/2013 ngày 28 tháng 11 năm 2013 gia hạn đến ngày 25 tháng 11 năm 2014 và điều chỉnh lợi nhuận xuống còn 1,2%/tháng.

Công ty đã ngừng dự thu lãi hợp đồng này và thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi ở mức 100% theo quy định.

Đến thời điểm hiện tại, Ông Khương Tuấn Sơn không có khả năng trả nợ, Công ty đã xác định không thu hồi được giá trị vốn tạm ứng, đã thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi vốn, phần công nợ còn lại là khoản không còn khả năng thu hồi chờ xử lý xóa sổ.



## 8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Giá trị phải thu khó đòi	Số đầu năm (Trình bày lại)		Số trích lập trong năm		Số hoàn nhập trong năm		Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND	VND	VND	VND	VND		
<b>Dự phòng trả trước cho người bán khó đòi</b>									
Luật sư Đỗ Cao Thắng	2.800.000.000	-	2.800.000.000	-	-	-	2.800.000.000	-	-
Luật sư Nguyễn Tố Loan	500.000.000	-	500.000.000	-	-	-	500.000.000	-	-
Văn phòng Luật sư Nguyễn Thế Quyền	400.000.000	-	400.000.000	-	-	-	400.000.000	-	-
Công ty Luật TNHH Bảo Ngọc	500.000.000	-	500.000.000	-	-	-	500.000.000	-	-
Công ty Luật Tuấn Minh	150.000.000	-	150.000.000	-	-	-	150.000.000	-	-
<b>Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi</b>									
Tổng Công ty Bất động sản Đông Á	22.000.000.000	22.000.000.000	-	-	-	-	22.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000
Công ty CP Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Y tế Phúc Thái	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden TNC Khương Tuấn Sơn	9.500.000.000	9.500.000.000	-	-	-	-	9.500.000.000	9.500.000.000	9.500.000.000
	385.000.000	385.000.000	-	-	-	-	385.000.000	385.000.000	385.000.000
<b>Cộng</b>	<b>43.235.000.000</b>	<b>38.885.000.000</b>	<b>4.350.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>43.235.000.000</b>	<b>38.885.000.000</b>	<b>38.885.000.000</b>

## 9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	30.960.000	7.753.156.000	32.000.000	-	7.816.116.000
Mua trong năm	105.108.000	-	-	-	105.108.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.326.000.000)	-	-	(1.326.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>136.068.000</b>	<b>6.427.156.000</b>	<b>32.000.000</b>	<b>-</b>	<b>6.595.224.000</b>
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	30.960.000	5.339.938.123	7.567.638	-	5.378.465.761
Khấu hao trong năm	96.349.000	512.613.388	24.432.362	-	633.394.750
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.215.500.000)	-	-	(1.215.500.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>127.309.000</b>	<b>4.637.051.511</b>	<b>32.000.000</b>	<b>-</b>	<b>4.796.360.511</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	-	2.413.217.877	24.432.362	-	2.437.650.239
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.759.000</b>	<b>1.790.104.489</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.798.863.489</b>

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.862.960.000 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 5.188.960.000 VND).

## 10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm	Cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	-	-
Số dư cuối năm	-	-
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	-	-
Số dư cuối năm	-	-
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	-	-
Số dư cuối năm	-	-

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 0 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 0 VND).

## 11. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	464.283.900	464.283.900
Tiền lãi phân bổ trong năm	60.409.305	-
<b>Cộng</b>	<b>524.693.205</b>	<b>464.283.900</b>

## 12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Phải nộp</b>	<b>38.004.833</b>	<b>39.359.833</b>
Thuế TNCN	6.500.000	7.855.000
Thuế khác	31.504.833	31.504.833

## 13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	135.000.000.000	(109.715.472.515)	25.284.527.485
Lỗi năm trước (Trình bày lại)	-	(5.967.008.322)	(5.967.008.322)
<b>Số dư đầu năm nay (Trình bày lại)</b>	<b>135.000.000.000</b>	<b>(115.682.480.837)</b>	<b>19.317.519.163</b>
Tăng vốn trong năm (i)	85.000.000.000	-	85.000.000.000
Lỗi năm nay	-	(9.334.473.725)	(9.334.473.725)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>220.000.000.000</b>	<b>(125.016.954.562)</b>	<b>94.983.045.438</b>

Theo Nghị quyết số 01/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng vốn của các cổ đông của Công ty; thay đổi danh sách cổ đông của Công ty, đồng thời sửa đổi điều lệ của Công ty; thông qua Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc mới của Công ty.

(i) Tăng vốn theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 số 23/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu chào bán: 8.500.000 cổ phiếu;
- Loại cổ phiếu phát hành: cổ phiếu phổ thông;
- Giá thực hiện bán 10.000 VND/ cổ phiếu;
- Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông chốt tại ngày đăng ký cuối cùng được phân bổ quyền mua cổ phiếu;
- Mục đích sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng sẽ được sử dụng như sau: Phục vụ cho các hoạt động kinh doanh các nghiệp vụ kinh doanh đã được cấp phép và hoạt động kinh doanh khác

---

77.000.000.000 VND; chi phí lương, thưởng, phụ cấp cho người lao động 3.000.000.000 đồng; chi phí thuê văn phòng 5.000.000.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa sử dụng nguồn vốn tăng thêm trên.

## Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chi tiết vốn đầu tư của các cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Hưng An Điền	107.800.000.000	49,00	-	-
Bà Phạm Lê Tú Uyên	44.000.000.000	20,0	-	-
Bà Phan Thanh Trà	37.211.460.000	16,91	-	-
Bà Đặng Hồng Thi	30.988.540.000	14,09	-	-
K&N Kenanga Holdings Berhad	-	-	66.150.000.000	49,00
Ông Cao Văn Sơn	-	-	36.833.310.000	27,28
Cổ đông khác	-	-	32.016.690.000	23,72
<b>Cộng</b>	<b>220.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>135.000.000.000</b>	<b>100</b>

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty như sau:

	<u>31/12/20</u>	<u>01/01/20</u>	
	<u>22</u>	<u>22</u>	
Cổ phiếu phổ thông			
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	22.000.000	13.500.000	cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	22.000.000	13.500.000	cổ phiếu
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000	VND/cổ phiếu

## 14. NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 29 tháng 6 năm 2022 và ngày 31 tháng 5 năm 2022, Công ty đã thông qua xóa bỏ công nợ của Công ty đối với các khoản phải thu, đầu tư, tồn đọng từ lâu, không ghi chi tiết đối tượng phải thu, không có hồ sơ lưu liên quan. Theo đó, Công ty đã ghi giảm các khoản phải thu, đầu tư này và giảm dự phòng tương ứng.

<b>Đối tượng</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm (Trình bày lại)</b>
	VND	VND
Tổng Thị Bích Đào	393.799.261	393.799.261
Nguyễn Văn Chuyên	470.911.000	470.911.000
Lã Quốc Hùng	413.000.000	413.000.000
Vũ Cát Sự	266.294.346	266.294.346
Huỳnh Thiện Phúc Ngũ	151.583.806	151.583.806
Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Fraden TNC	224.200.000	224.200.000
Nguyễn Thị Hằng Nga	2.752.765.225	2.752.765.225
Nguyễn Văn Chuyên	306.404.644	306.404.644
Nguyễn Hữu Minh	416.757.878	416.757.878
Lê Hoàng Tuấn	607.012.515	607.012.515
Nguyễn Thị Vui	544.355.109	544.355.109
Trần Thị Hồng Anh	580.999.605	580.999.605
Đối tượng khác	3.419.605.235	3.419.605.235
<b>Cộng</b>	<b>10.547.688.624</b>	<b>10.547.688.624</b>

## 15. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	103.835.690	97.546.970
<b>Cộng</b>	<b><u>103.835.690</u></b>	<b><u>97.546.970</u></b>

## 16. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	103.835.690	97.546.970
<b>Cộng</b>	<b><u>103.835.690</u></b>	<b><u>97.546.970</u></b>

## 17. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	1.459.189.406	2.303.525.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	633.394.750	1.394.652.477
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.890.429.945	2.795.395.417
Chi phí dự phòng	4.350.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>9.336.014.101</u></b>	<b><u>6.496.572.894</u></b>

## 18. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Điều chỉnh các khoản phải trả	-	1.136.180.344
Thu nhập khác	141.000	100.000
<b>Cộng</b>	<b><u>141.000</u></b>	<b><u>1.136.280.344</u></b>

## 19. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính	113.523.967	-
Chi phí thanh lý TSCĐ	500.000	164.174.457
Điều chỉnh các khoản phải thu	-	445.231.086
<b>Cộng</b>	<b><u>114.023.967</u></b>	<b><u>609.405.543</u></b>

## 20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán đã thực hiện trước thuế	(9.334.473.725)	(5.967.008.322)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	4.350.000.000	-
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	4.350.000.000	-
Thu nhập chịu thuế	(4.984.473.725)	-
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

## 21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(9.334.473.725)	(5.967.008.322)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số lượng cổ phần phổ thông lưu hành bình quân	15.712.329	13.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(594)	(442)

## 22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty không có các giao dịch, số dư trọng yếu với các bên liên quan.

Công ty chưa quyết định chi trả các khoản thù lao, lương thưởng của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc trong năm.

## 23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

### Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:



	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	92.543.322.755	10.541.091.121
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	94.983.045.438	19.317.519.163
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0%</b>	<b>0%</b>

## Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	92.543.322.755	10.541.091.121
Các khoản phải thu, phải thu khác	(4.339.362.170)	10.603.236
Các khoản ký quỹ	14.247.287	218.098.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>88.218.207.872</b>	<b>10.769.792.357</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản phải trả	5.564.295	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.564.295</b>	<b>-</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

## Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

### *Rủi ro thị trường*

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

### *Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

---

### ***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

### ***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Số cuối kỳ</b>			
Các khoản phải thu, phải thu khác	(4.339.362.170)	-	(4.339.362.170)
Các khoản ký quỹ	-	14.247.287	14.247.287
<b>Tổng cộng</b>	<b>88.203.960.585</b>	<b>14.247.287</b>	<b>88.218.207.872</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Các khoản phải trả	5.564.295	-	5.564.295
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.564.295</b>	<b>-</b>	<b>5.564.295</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>88.198.396.290</b>	<b>14.247.287</b>	<b>88.212.643.577</b>
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.541.091.121	-	10.541.091.121
Các khoản phải thu, phải thu khác	10.603.236	-	10.603.236
Các khoản ký quỹ	-	218.098.000	218.098.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.551.694.357</b>	<b>218.098.000</b>	<b>10.769.792.357</b>
<b>Số đầu năm</b>			
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>10.551.694.357</b>	<b>218.098.000</b>	<b>10.769.792.357</b>

## 24. RỦI RO TIỀM TÀNG

Khoản mục Phải thu khác (mã số 122) trên Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty gồm:

- + Khoản đầu tư theo Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư số 01/HĐTUVĐT/KVS-ĐA/2011 ngày 20 tháng 11 năm 2011 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga với Công ty Cổ phần Bất động sản Đông Á về việc: Hợp tác đầu tư hoàn thiện và đưa vào sử dụng Dự án “Khu Resort - Khu cầu Bình Hòa - Quảng Châu - Quảng Xương - Thanh Hóa” với số tiền là 22.000.000.000 VND;
- + Khoản đầu tư theo Hợp đồng tạm ứng vốn đầu tư số 14/HĐTUVĐT/KVS/TN/2012 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Kenanga với Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Y tế Phúc Thái về việc: Hợp tác đầu tư hoàn thiện “Dự án xây dựng Bệnh viện Phúc Thái tại Thái Nguyên” với số tiền là 7.000.000.000 VND.

## 24. RỦI RO TIỀM TÀNG (TIẾP THEO)

Khi đầu tư hai khoản này, Công ty đã vi phạm Khoản 1, Điều 28 của Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính về “Quy định về hoạt động của Công ty Chứng khoán”. Công ty chưa ước tính nghĩa vụ có thể phát sinh cho từ việc vi phạm này.

## 25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác với một số chỉ tiêu được điều chỉnh lại sau khi Ban Lãnh đạo Công ty rà soát lại số liệu và thực hiện điều chỉnh lại cho phù hợp đối với các khoản công nợ, chi phí trả trước tồn đọng, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đã báo cáo	Số trình bày lại	Điều chỉnh	Ghi chú
<b>Báo cáo tình hình tài chính</b>					
Các khoản cho vay	114	1.695.588.413	-	(1.695.588.413)	(i)
Các khoản phải thu	117	224.200.000	-	(224.200.000)	
<i>Phải thu bán các tài sản tài chính</i>	<i>117.1</i>	<i>224.200.000</i>	-	<i>(224.200.000)</i>	(ii)
Trả trước cho người bán	118	2.412.200.000	5.350.000.000	2.937.800.000	(iii)
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	3.606.850.514	-	(3.606.850.514)	(iv)
Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	121	1.449.551.587	-	(1.449.551.587)	(v)
Các khoản phải thu khác	122	42.467.101.346	38.895.603.236	(3.571.498.110)	(vi)
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	(49.432.688.624)	(38.885.000.000)	10.547.688.624	
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	2.845.560.837	257.067.500	(2.588.493.337)	(vii)
Các khoản đầu tư	212	200.000.000	-	(200.000.000)	
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	<i>212.4</i>	<i>200.000.000</i>	-	<i>(200.000.000)</i>	(viii)
Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213	(200.000.000)	-	200.000.000	(viii)
Tài sản cố định hữu hình	221	2.437.650.239	2.437.650.239	-	(ix)
- Nguyên giá	222	13.645.663.168	7.816.116.000	(5.829.547.168)	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223.a	11.208.012.929	5.378.465.761	(5.829.547.168)	
Tài sản cố định vô hình	227	2.437.650.239	2.437.650.239	-	(ix)
- Nguyên giá	228	-	(7.684.301.890)	(7.684.301.890)	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229.a	-	7.684.301.890	7.684.301.890	
Phải trả người bán ngắn hạn	320	4.729.312	-	(4.729.312)	(x)
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	102.494.112	-	(102.494.112)	(xi)
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	867.961.834	-	(867.961.834)	(xii)
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	352	83.124.000	-	(83.124.000)	(xiii)
Lợi nhuận chưa phân phối	417	(117.090.096.758)	(115.682.480.837)	1.407.615.921	
<i>Lợi nhuận đã thực hiện</i>	<i>417.1</i>	<i>(117.090.096.758)</i>	<i>(115.682.480.837)</i>	<i>1.407.615.921</i>	(iii), (vii), (x), (xi), (xii)& (xiii)
<b>Báo cáo kết quả hoạt động</b>					
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	62	7.213.239.557	6.496.572.894	(716.666.663)	(xiv)
Thu nhập khác	71	100.000	1.136.280.344	1.136.180.344	(x), (xi), (xii)& (xiii)
Chi phí khác	72	164.174.457	614.565.543	445.231.086	(xv)

Ghi chú:

- (i) Ghi giảm chỉ tiêu Các khoản cho vay và ghi giảm chỉ tiêu Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu với số tiền là 1.695.588.413 VND do không có hồ sơ lưu liên quan đến các khoản cho vay này.
- (ii) Ghi giảm chỉ tiêu Các khoản thu và ghi giảm chỉ tiêu Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu với số tiền là 224.200.000 VND do không có hồ sơ lưu liên quan đến các khoản phải thu này.
- (iii) Ghi tăng chỉ tiêu Trả trước người bán số tiền là 2.937.800.000 VND; ghi giảm chỉ tiêu Chi phí trả trước ngắn hạn số tiền là 3.300.000.000 VND và ghi giảm chỉ tiêu Lợi nhuận đã thực hiện số tiền là 362.000.000 VND do hạch toán sai.
- (iv) Ghi giảm chỉ tiêu khoản Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp và ghi giảm chỉ tiêu Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu với số tiền là 3.606.850.514 VND do không có hồ sơ lưu liên quan đến khoản phải thu này.
- (v) Ghi giảm chỉ tiêu khoản Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán và ghi giảm chỉ tiêu Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu với số tiền là 1.449.551.587 VND do không có hồ sơ lưu liên quan đến khoản phải thu này.
- (vi) Ghi giảm chỉ tiêu khoản Các khoản phải thu khác và ghi giảm chỉ tiêu Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu với số tiền là 3.571.498.110 VND do không có hồ sơ lưu liên quan đến các khoản phải thu này.
- (vii) Ghi giảm chỉ tiêu Chi phí trả trước ngắn hạn số tiền là 2.588.493.337 VND; ghi tăng chỉ tiêu Trả trước người bán số tiền là 3.300.000.000 VND; tăng chỉ tiêu Lợi nhuận đã thực hiện số tiền là 716.666.663 VND và tăng chỉ tiêu Tài sản cố định hữu hình là 5.160.000 VND do hạch toán sai.
- (viii) Ghi giảm chỉ tiêu khoản Đầu tư dài hạn khác và ghi giảm chỉ tiêu Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn với số tiền là 200.000.000 VND do không có hồ sơ lưu liên quan đến khoản đầu tư này.
- (ix) Ghi tăng chỉ tiêu Tài sản cố định hữu hình và ghi giảm chỉ tiêu Chi phí trả trước ngắn hạn số tiền là 5.160.000 VND và do hạch toán sai. Ghi giảm chỉ tiêu nguyên giá Tài sản cố định và ghi tăng chỉ tiêu Giá trị hao mòn lũy kế số tiền là 13.544.809.058 VND do tài sản không còn tồn tại.
- (x) Ghi giảm chỉ tiêu khoản Phải trả người bán và ghi tăng chỉ tiêu Lợi nhuận đã thực hiện với số tiền là 4.729.312 VND do không có hồ sơ lưu liên quan đến khoản phải trả này.
- (xi) Ghi giảm chỉ tiêu khoản Chi phí phải trả ngắn hạn và ghi tăng chỉ tiêu Lợi nhuận đã thực hiện với số tiền là 102.494.112 VND do không có hồ sơ lưu liên quan đến khoản phải trả này.
- (xii) Ghi giảm chỉ tiêu khoản Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và ghi tăng chỉ tiêu Lợi nhuận đã thực hiện với số tiền là 867.961.834 VND do không có hồ sơ lưu liên quan đến khoản phải trả này.
- (xiii) Ghi giảm chỉ tiêu khoản Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn và ghi tăng chỉ tiêu Lợi nhuận đã thực hiện với số tiền là 83.124.000 VND do không có hồ sơ lưu liên quan đến khoản nhận ký quỹ, ký cược này.
- (xiv) Ghi giảm chỉ tiêu quản lý và ghi tăng chỉ tiêu Chi phí trả trước ngắn hạn số tiền là 716.666.663 VND do hạch toán sai.

(xv) Ghi tăng chi phí khác số tiền là 445.231.086 VND; ghi tăng chỉ tiêu Hao mòn lũy kế số tiền là 5.160.000 VND; ghi giảm chỉ tiêu Trả trước người bán ngắn hạn số tiền là 362.000.000 VND và ghi tăng chỉ tiêu Các khoản phải trả, phải nộp khác số tiền là 77.871.086 VND do các khoản trả trước và phải trả, phải nộp khác không có hồ sơ và các tài sản không còn tồn tại.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: VP HĐQT, VT.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN KENANGA VIỆT NAM**



